

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày: 16/3/2022

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/9/2021, chuyển tạm giam từ ngày 17/9/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (có mặt)

4. Nguyễn Việt H1, sinh năm 1998; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú trước khi bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Đỗ Thị C; vợ, con: Chưa có. Tiền án: Ngày 14/12/2017 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; ngày 21/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 10/6/2019 TAND huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; ngày 21/6/2020 chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2021, chuyển tạm giam từ ngày 07/10/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (có mặt)

5. Nguyễn Thanh P, sinh năm 1999; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú trước khi bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Ngã tư Đ, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị T; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2021, chuyển tạm giam từ ngày 24/9/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (có mặt)

6. Trần Mạnh D, sinh năm 2001; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú trước khi bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trần Xuân T và bà Đào Thị H; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2021, chuyển tạm giam từ ngày 17/9/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đoàn Thị C, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

*** Những người làm chứng:** Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1992; anh Lê Hữu Q1, sinh năm 1998; anh Nguyễn Đại Thạch, sinh năm 1992. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 07/9/2021, các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H và anh Trần Văn H đến nơi ở của bị cáo Phạm Văn M tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam ăn uống. Sau khi ăn uống xong C, H, M rủ nhau góp tiền đi mua ma túy tổng hợp về sử dụng tại phòng hát karaoke hay còn gọi là đi “bay”. Anh H không biết việc các bị cáo rủ nhau đi “bay”.

Tại quán nước H thuộc xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; bị cáo H gọi điện thoại hỏi vay anh Đặng Văn Q 3.000.000 đồng và để lại chiếc điện thoại Iphone X màu trắng; anh Q đồng ý.

Sau đó C mượn điện thoại của H rồi gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger Facebook đến tài khoản có tên là “*Hải Băng*” của bị cáo Nguyễn Thanh P và nói “*Anh gọi hộ em 01 chỉ ke và 03 viên kẹo được không anh, ngày mai em gửi tiền*”, P nói “*Không được em ơi*”, Công nói “*Vậy cho em gửi trước 1.500.000 đồng được không, còn lại một nửa mai em gửi nốt*”. Khi đó P đang ở phòng trọ thuộc ngã tư Đ, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam cùng với bị cáo Nguyễn Việt H1 nên P hỏi H1 “*Có khách lấy 01 chỉ ke và 03 viên kẹo nó trả trước 1.500.000 đồng được không*”. H1 nói “*Được*” thì P trả lời điện thoại với C “*Được em nhé*” và hẹn gặp nhau ở khu vực ngã tư Đ. Sau đó P mượn xe mô tô BKS 90B2-xxx của anh Lê Hữu Q rồi chở H1 đi đến chỗ hẹn với C.

Khoảng 10 phút sau khi nói chuyện điện thoại với H thì Q đi đến quán H đưa cho H số tiền 3.000.000 đồng gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, rồi Q cầm chiếc điện thoại Iphone X màu trắng của H đi về. Cùng thời điểm đó anh H chở M đi từ quán H đến nhà anh Nguyễn Đại T để M mượn xe mô tô BKS 90H1-xxx của anh T để anh H dùng đi về nhà, còn M quay lại chỗ H và C.

Tại quán H, H đưa cho C số tiền 1.500.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để C đi mua ma túy. C cầm tiền rồi đi bộ đến đoạn đường Quốc lộ 37B gần cây đa thuộc thôn T, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam thì gặp P điều khiển xe mô tô chở H1 đi đến. C đưa cho H1 số tiền 1.500.000 đồng rồi quay lại quán nước. Sau đó tất cả đi đến quán karaoke D thuộc xã T, huyện B.

Sau khi nhận tiền của C, P điều khiển xe mô tô BKS 90B2-xxx chở H1 đi về thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Trên đường đi H1 sử dụng điện thoại lắp sim có số thuê bao 0823254444 gọi điện đến số thuê bao 0913196804 của một người nam thanh niên tên là V và nói “*Lấy cho tôi 03 viên kẹo và 01 chỉ ke*”, V nói “*Tổng số tiền là 2.600.000 đồng*” thì H đồng ý và hẹn gặp nhau ở đoạn đường thuộc thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Khi đi đến và nhìn thấy V đang đứng ở lề đường, H1 bảo P dừng xe còn H1 xuống xe đưa cho V số tiền 1.500.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và nói “*Nợ lần sau trả nốt*”, V đồng ý cầm tiền rồi đi đâu đó một lúc, sau đó quay lại đưa cho H1 01 túi ni lông màu trắng, bên trong có 03 viên ma túy dạng kẹo màu xanh và 02 túi ma túy Ketamine. H1 cầm túi ma túy rồi ngồi lên xe của P điều khiển đi về quán bi-a của H1 ở xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. H1 và P đi vào trong phòng ngủ của quán thì thấy bị cáo Trần Mạnh D đang nằm ngủ thì P gọi D dậy bảo đi ra ngoài. Trong phòng ngủ, H1 dùng cân điện tử màu đen để cân, chia 01 túi ma túy Ketamine vừa mua được thành 02 túi nhỏ. H1 giữ lại 01 túi còn 01 túi bỏ vào trong túi ni lông ban đầu rồi đưa lại cho P. P cầm lấy túi ni lông H1 đưa (trong túi có 01 túi Ketamine, 03 viên ma túy dạng kẹo mua của V và 01 túi

Ketamine mà H1 vừa chia) đi ra ngoài cửa phòng khu vực bếp và gọi D đến gần rồi nói “*Cầm hộ anh túi này lên cầu V thì gọi vào số này cho anh*”. D biết bên trong túi ni lông là ma túy dạng kẹo, Ketamine và hiểu ý của P cầm túi ma túy đến cầu V, xã A để giao cho khách nên D đồng ý. P sử dụng điện thoại lắp sim có số thuê bao là 0896028011 để gửi số điện thoại của D là 0337238805 cho C và gửi số điện thoại của C là 0886424193 cho D để liên lạc. D điều khiển xe mô tô BKS 90B2-xxx đi từ quán bi-a của H1 đến gần cầu V thuộc xã A, huyện B rồi vứt túi ma túy xuống mặt đường. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, C gọi cho D thì D nói “*Đi xuống cầu V*”. C điều khiển xe mô tô BKS 90H1-xxx chở H cùng đi lấy ma túy nhưng đi được một đoạn thì H xuống xe, đi bộ quay lại quán karaoke D ngồi chờ. Khi C điều khiển xe mô tô BKS 90H1-xxx đi đến đoạn đường Quốc lộ 37B cách cầu V khoảng 200m, C dừng xe và đứng ở lề đường rồi đi bộ đến giữa cầu V thì gặp D đang đứng một mình, D nói “*Em anh P phải không, nhìn trên mặt đường dệ cầu mà lấy*” thì C đi đến nhặt lấy túi ma túy còn D điều khiển xe mô tô BKS 90B2-xxx quay về quán bi-a của H1 và nói với P “*Anh ơi em đưa cho nó rồi*”.

Sau khi nhận được túi ma túy dạng kẹo và Ketamine, C cất giấu vào bên trong khẩu trang đang đeo trên mặt rồi đi bộ quay lại vị trí dựng xe. Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 07/9/2021, khi C đi qua cầu V khoảng 20m thì bị Lực lượng Công an huyện B phối hợp cùng Công an xã A yêu cầu kiểm tra. C đã tự giác giao nộp cho lực lượng Công an 01 túi ni lông màu trắng, bên trong túi chứa 03 viên nén màu xanh không rõ hình dạng và 02 túi ni lông màu trắng, miệng túi có kẹp nhựa viền màu xanh, bên trong mỗi túi đều chứa tinh thể màu trắng mà C đang cất giấu bên trong khẩu trang đang đeo trên miệng và khai nhận là ma túy dạng kẹo và Ketamine mua để sử dụng cùng H và M.

Trên cơ sở lời khai ban đầu của đối tượng, lực lượng Công an đã đưa C đến trụ sở UBND xã A để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01; tạm giữ 01 điện thoại Nokia màu xanh, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0886424193, 01 xe mô tô BKS 90H1-xxx dựng ở lề đường Quốc lộ 37B gần nơi bắt quả tang.

Sau khi chờ lâu nhưng không thấy C quay lại, H và M đi bộ để tìm C. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn V, xã A, huyện B thì H và M bị lực lượng Công an yêu cầu đến trụ sở Công an huyện B để làm việc. Căn cứ lời khai của các đối tượng liên quan cùng các tài liệu điều tra thu thập được, ngày 08/9/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, ra Quyết định tạm giữ, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với H và M về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ngày 15/9/2021 và ngày 28/9/2021, lần lượt Nguyễn Thanh P, Trần Mạnh D và Nguyễn Việt H1 đến Công an huyện B đầu thú, khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho C ngày 07/9/2021. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu giữ 01 điện thoại Iphone màu đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0962631551 của Nguyễn Việt H1.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Tiến C và chỗ ở của Phạm Văn M tại thôn Đ, xã L, huyện B; chỗ ở của Nguyễn Mạnh H tại thôn M, xã A, huyện B; nơi cư trú và chỗ ở của Nguyễn Thanh P tại thôn

Đ, xã L, huyện B và ngã tư Đ, xã A, huyện B; chỗ ở của Trần Mạnh D tại thôn T, xã L, huyện B và chỗ ở của Nguyễn Việt H1 tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Quá trình khám xét không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án. Sau khi khám xét, chị Đoàn Thị C, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (người ở cùng với Nguyễn Việt H1) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao là 0823254444 của H1.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tạm giữ 01 xe mô tô BKS 90B2-xxx của Lê Hữu Q; tạm giữ 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng của Đặng Văn Q mà Q trình bày đây là chiếc điện thoại của bị cáo H đưa cho Q để vay số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 08/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định trưng cầu giám định tinh thể màu trắng bên trong 02 túi ni lông màu trắng, miệng túi có kẹp nhựa viền màu xanh và 03 viên nén màu xanh không rõ hình dạng bên trong 01 túi ni lông màu trắng thu giữ của Trần Tiến C khi bắt quả tang, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu QT01 để xác định loại, khối lượng chất ma túy. Tại Bản kết luận giám định số 1211/GĐKTHS ngày 09/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: “- Mẫu các hạt tinh thể màu trắng trong 02 (hai) túi ni lông màu trắng, miệng túi có kẹp nhựa viền màu xanh (gói trong 01 (một) túi ni lông màu trắng), trong phong bì thư được niêm phong ký hiệu QT01 gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Ketamine. Tổng khối lượng mẫu: 0,756 gam. - Mẫu gồm 03 (ba) viên nén màu xanh, không rõ hình dạng (gói trong 01 (một) túi nilon màu trắng), trong phong bì thư được niêm phong ký hiệu QT01 gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: MDMA. Tổng khối lượng mẫu: 1,535 gam”.

Tại Cáo trạng số 18/CT - VKS - MT ngày 08/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã truy tố: Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Việt H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Thanh P, Trần Mạnh D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M. Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Việt H1. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh P, Trần Mạnh D. Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuyên các bị cáo Nguyễn Việt H1, Nguyễn Thanh P, Trần Mạnh D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử

phạt bị cáo C từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù. Xử phạt các bị cáo H, M; mỗi bị cáo từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù. Xử phạt bị cáo H1 từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù. Xử phạt bị cáo P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Xử phạt bị cáo D từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, tịch thu tiêu huỷ các sim điện thoại được lắp trong các máy điện thoại. Trả lại chị Đoàn Thị C 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy như nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh:

- Về tội danh “*Tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy*” đối với các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M; Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Tới ngày 07/09/2021 các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M đã thống nhất cùng nhau góp tiền mua ma túy đá để sử dụng khi đi hát karaoke. Bị cáo H đã dùng chiếc điện thoại của mình để cầm vay 3.000.000 đồng. Bị cáo C nhận của bị cáo H 1.500.000 đồng đưa cho bị cáo Nguyễn Thanh P để nhờ bị cáo P mua hộ ma túy. Sau đó bị cáo P đã bảo bị cáo D đưa ma túy cho bị cáo C. Trên đường mang ma túy về để sử dụng; khoảng 23 giờ 50 phút ngày 07/9/2021 khi đang đi trên đường Quốc lộ 37B thuộc địa phận thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; bị cáo C đã bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép 0,756 gam Ketamine và 1,535 gam MDMA. Do đó các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Về tội danh “*Mua bán trái phép chất ma túy*” đối với các bị cáo Nguyễn Việt H1, Nguyễn Thanh P và Trần Mạnh D; Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Với mục đích kiếm lời; tới ngày 07/9/2021, bị cáo P đã nhận tiền của bị cáo C, cùng bị cáo H1 đi mua ma túy để về bán lại cho bị cáo C. Bị cáo D đã nhận ma túy từ bị cáo P đưa và đi giao cho bị cáo C. Hành vi này của các bị cáo Nguyễn Việt H1, Nguyễn Thanh P và Trần Mạnh D đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tính tỷ lệ % so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 và khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự theo quy định tại Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ đối với số ma túy mà bị cáo Công tàng trữ khi bị bắt quả tang được tính như sau: Chất MDMA là 1,535 gam/5 gam = 30,7% so với mức tối thiểu quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm i khoản 2 Điều 251 BLHS; chất Ketamine là 0,756 gam/20 gam = 3,78% so với mức tối thiểu quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249 và điểm n khoản 2 Điều 251 BLHS. Như vậy tổng 02 chất ma túy MDMA và Ketamine là 34,48%, dưới 100% so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 và khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do vậy: Các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thanh P và Trần Mạnh D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Việt H1 do đã bị TAND huyện Y, tỉnh Nam Định xét xử và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 07/9/2021 H1 chưa được xóa án tích vì vậy bị cáo H1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp được quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt “*Tái phạm nguy hiểm*”.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H1, P, D được hưởng tình tiết “*Đầu thú*”; bị cáo D được hưởng thêm tình tiết “*hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông ngoại bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến*”; tất cả các tình tiết được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm: Đối với việc các bị cáo C, H, M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” do H là người ứng tiền trước để mua ma túy, M là người cho mượn phương tiện để C trực tiếp đi mua ma túy, do vậy cả ba giữ vai trò ngang nhau.

Đối với việc các bị cáo H1, P, D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” do H1 và P cùng thống nhất giá tiền bán ma túy với C, cùng đi mua ma túy; H chia ma túy, P đưa ma túy cho D để đi giao cho C do vậy H1 và P giữ vai trò thứ nhất. D là người đi giao ma túy cho C nên đồng phạm và giữ vai trò “*thực hành, giúp sức*”.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; vi phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy; làm ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân do vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc; cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét đến vai trò, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của mỗi bị cáo

để quyết định mức hình phạt; thực hiện đúng quy định cá thể hoá tội phạm và chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các biên bản xác minh tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xác định các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các đồ vật, phương tiện đã thu giữ, tạm giữ:

- Về vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành do vậy tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại Nokia màu xanh, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0886424193 thu giữ của bị cáo C, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0823254444 do chị C giao nộp là tài sản của bị cáo H1, xét 02 chiếc điện thoại này các bị cáo sử dụng để liên lạc nhằm mua bán trái phép chất ma túy; 01 điện thoại Iphone X màu trắng thu giữ của anh Q, xét đây là tài sản của bị cáo H cầm cố để lấy tiền mua ma túy sử dụng và anh Q không đề nghị được lấy lại; do vậy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với cả 03 chiếc điện thoại đã thu giữ; tịch thu tiêu hủy các sim lắp trong máy điện thoại.

- Về đồ vật, phương tiện đã thu giữ, tạm giữ: Đối với 01 điện thoại Iphone màu đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0962631551 thu giữ của bị cáo H1, xét đây là tài sản hợp pháp của chị Đoàn Thị C và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo do vậy cần trả lại cho chị C.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

[9] Các tình tiết khác liên quan đến vụ án:

- Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ và đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo H1: Tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ để xác định, làm rõ nguồn gốc số ma túy và đối tượng có liên quan để xử lý.

- Đối với điện thoại và sim điện thoại của các bị cáo P và D sử dụng để liên lạc nhằm mua bán trái phép chất ma túy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội P và D đã vứt xuống sông; đối với 01 chiếc cân điện tử màu đen cùng 01 túi ma túy Ketamine mà bị cáo H1 giữ lại sau khi chia nhỏ từ 01 túi Ketamine mua được, H1 đã vứt đi nhưng không nhớ địa điểm cụ thể, do vậy không đủ căn cứ để truy tìm, thu giữ.

- Quá trình điều tra xác định ngày 07/9/2021, anh Trần Văn H không biết các bị cáo C, H và M bàn bạc thống nhất việc mua ma túy để sử dụng cùng nhau; anh Đặng Văn Q không biết bị cáo H vay 3.000.000 đồng để mua ma túy sử dụng; anh Lê Hữu Q và anh Nguyễn Đại T không biết việc các bị cáo P, M mượn xe mô tô để đi mua bán trái phép chất ma túy; Nguyễn Thế A có mặt tại quán bi-a của Nguyễn Việt H1 nhưng không biết H1 và P mua bán trái phép chất ma túy và việc H1 chia nhỏ túi Ketamine tại quán bi-a; Nguyễn Việt H1 khai nhận sau khi mua ma túy mang về quán bi-a, Mai Đức K đã mang chiếc cân điện tử màu đen và túi ni lông vào trong phòng ngủ để H1 chia nhỏ túi ma túy Ketamine, tuy nhiên K không thừa nhận việc này, tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án không đủ chứng cứ chứng minh hành vi của K như nội dung mà H1 đã khai nhận. Do vậy không có căn cứ để xem xét, xử lý.

- Đối với 01 xe mô tô BKS 90B2-xxx là tài sản hợp pháp của anh Lê Hữu Q; 01 xe mô tô BKS 90H1-xxx là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn N để ở nhà em vợ là anh Nguyễn Đại T. Quá trình điều tra xác định ngày 07/9/2021, anh Q cho P mượn xe mô tô BKS 90B2-xxx, anh T cho M mượn xe mô tô BKS 90H1-xxx nhưng anh Q và anh T đều không biết các bị cáo sử dụng những chiếc xe nêu trên làm phương tiện để đi mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 3.000.000 đồng mà anh Đặng Văn Q cho bị cáo H vay ngày 07/9/2021 do anh Q không có yêu cầu, đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M.

Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Việt H1.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh P, Trần Mạnh D.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự. Các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. - Tuyên bố các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Việt H1, Nguyễn Thanh P, Trần Mạnh D phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

2. - Xử phạt bị cáo Trần Tiến C **02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (ngày 08/9/2021).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (ngày 08/9/2021).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn M **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (ngày 08/9/2021).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H1 **08** (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 28/9/2021).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 15/9/2021).

- Xử phạt bị cáo Trần Mạnh D **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 28/9/2021).

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong có số 1211/GĐKTTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng có seri GHLY2GRJCLJ, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng có seri C39N8EPPG5MV, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia. Tịch thu tiêu huỷ các sim điện thoại được lắp trong các máy điện thoại.

* Về tài sản, đồ vật tạm giữ: Trả lại chị Đoàn Thị C 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen có seri C38SXVTTHFXW, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0962631551.

Vật chứng và đồ vật tạm giữ được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Tiến C, Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn M, Nguyễn Việt H1, Nguyễn Thanh P, Trần Mạnh D; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai; báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND các xã L, A, huyện B;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)